

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên 2026 (sau soát xét) với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3

- Mã chứng khoán: PIC

- Địa chỉ trụ sở chính: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, TP Đà Nẵng, Việt Nam

- Điện thoại: 0236.2212545

Fax: 0236.2221000

- E-mail: p5pc3icbtt@cpc.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026 (sau soát xét)

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/kiểm toán)

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/8/2026 tại đường dẫn <https://pc3invest.cpc.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh/128007044/page/1>.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026.

Trong năm 2026, tại Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 không có các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 (sau soát xét)./. *nhu*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Huy Khôi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổ kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Văn Nghiệp	Chủ tịch
Ông Lê Huy Khôi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên độc lập
Ông Trần Công Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên độc lập

Tổ kiểm toán nội bộ

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Hương	Tổ trưởng
Ông Trần Vĩnh Trinh	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thùy Dương	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Kỳ Anh	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên
Ông Dương Ngọc Thịnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Huy Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Trần Vĩnh Trinh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Lê Huy Khôi, Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán giữa niên độ được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit).

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc 



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2026

Số: 346/2026/BCSX-E.AFA

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2026, từ trang 5 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Kim Văn Việt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1486-2023-240-1

Người được uỷ quyền

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.126.902.397	88.458.682.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	28.263.517.177	16.001.796.911
1. Tiền	111		1.331.284.849	488.954.444
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.932.232.328	15.512.842.467
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.134.786.301	27.093.920.549
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	4.2	7.134.786.301	27.093.920.549
2. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.332.440.843	36.447.685.944
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	4.320.267.436	31.981.294.795
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.472.204.926	3.160.377.839
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	4.5	539.968.481	1.306.013.310
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	411.359.314	553.879.090
1. Hàng tồn kho	141		411.359.314	553.879.090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		10.984.798.762	8.361.399.894
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	4.7	476.076.865	124.345.593
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		6.505.631.301	7.678.093.726
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	4.13	4.003.090.596	558.960.575
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		344.198.959.597	355.536.401.704
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		297.727.455.074	289.183.400.405
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	292.794.196.501	284.239.330.222
Nguyên giá	222		682.701.689.131	655.283.166.339
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(389.907.492.630)	(371.043.836.117)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	4.933.258.573	4.944.070.183
Nguyên giá	228		5.142.799.409	5.142.799.409
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(209.540.836)	(198.729.226)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		42.112.337.578	61.952.179.156
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	4.10	42.112.337.578	61.952.179.156
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		4.359.166.945	4.400.822.143
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	4.7	1.955.770.521	1.985.905.719
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		2.403.396.424	2.414.916.424
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		398.325.861.994	443.995.084.092

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.938.179.144	64.924.192.096
I. Nợ ngắn hạn	310		15.938.179.144	34.924.192.096
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	5.329.369.612	5.200.688.418
2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	4.12	2.893.688.840	2.940.701.740
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	4.13	816.106.181	3.816.423.070
4. Phải trả người lao động	315	4.14	1.320.831.180	18.815.276.791
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	4.15	236.345.048	82.589.539
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	4.16	339.904.579	2.105.682.415
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.001.933.704	1.962.830.123
II. Nợ dài hạn	330		-	30.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	4.17	-	30.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	382.387.682.850	379.070.891.996
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		333.398.910.000	333.398.910.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		333.398.910.000	333.398.910.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		(35.000.000)	(35.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		49.023.772.850	45.706.981.996
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	420a		38.814.229.079	3.748.749.346
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		10.209.543.771	41.958.232.650
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		398.325.861.994	443.995.084.092



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2026

Nguyễn Minh Hoài
Kế toán trưởng

Diệp Lê Trúc Xuyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02a – DN(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	51.358.670.204	74.613.740.753
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		51.358.670.204	74.613.740.753
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	30.815.840.831	31.579.537.930
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.542.829.373	43.034.202.823
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5.3	561.397.563	466.600.286
8. Chi phí tài chính	23	5.4	319.112.329	1.058.561.644
Trong đó, chi phí đi vay	24		319.112.329	1.058.561.644
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	7.843.009.267	5.878.972.449
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.942.105.340	36.563.269.016
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32	5.6	-	5.849.590
14. Lợi nhuận khác	40		-	(5.849.590)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.942.105.340	36.557.419.426
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	2.732.561.569	7.483.231.472
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.209.543.771	29.074.187.954
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.18.5	254	725
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.18.6	254	725

**Lê Huy Khôi**
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2026


Nguyễn Minh Hoài
Kê toán trưởng
Diệp Lê Trúc Xuyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.942.105.340	36.557.419.426
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.874.468.123	18.979.691.241
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(13.069)	(46.701)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(561.384.494)	(466.553.585)
Chi phí đi vay	06		319.112.329	1.058.561.644
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		31.574.288.229	56.129.072.025
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.116.116.928	5.916.020.424
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		154.039.776	(186.683.835)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(20.606.535.629)	(10.774.165.244)
Tăng giảm chi phí chờ phân bổ	12		(321.596.074)	299.744.907
Chi phí đi vay đã trả	14		(361.687.671)	(1.077.397.260)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.142.144.010)	(3.937.622.963)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		32.232.328	78.750.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.853.649.336)	(5.810.295.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		28.591.064.541	40.637.423.034
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.770.630.858)	(11.280.826.036)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	(8.029.238.356)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		25.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		488.286.414	394.872.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13.717.655.556	(18.915.191.831)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2026

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.1	(30.000.000.000)	(10.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(47.012.900)	(31.251.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(30.047.012.900)	(10.031.251.400)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		12.261.707.197	11.690.979.803
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.001.796.911	15.070.649.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		13.069	46.701
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		28.263.517.177	26.761.676.088



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2026

Nguyễn Minh Hoài
Kế toán trưởng

Diệp Lê Trúc Xuyên
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Ban quản lý Dự án các Công trình Thủy điện vừa và nhỏ. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001787 ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07 tháng 05 năm 2026 với mã số doanh nghiệp là 0400599162.

Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 828/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán PIC. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán PIC là ngày 09 tháng 01 năm 2017 (theo sự chấp thuận của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại thông báo số 1356/TB-SGDHN ngày 27 tháng 12 năm 2016).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 333.398.910.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 69 (31/12/2025: 72).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất kinh doanh điện năng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện. Đầu tư theo phương thức hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao cho các công trình giao thông, công nghiệp. Xây dựng và kinh doanh nhà, văn phòng cho thuê. Xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, bưu chính viễn thông, đường dây truyền tải và phân phối điện, trạm biến thế, công trình cấp thoát nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, lập thiết kế và giám sát các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, lưới điện;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Khai thác thủy sản nội địa. Chi tiết: Khai thác thủy sản lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Nạo vét lòng hồ gắn liền với các công trình thủy điện.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Công ty có 02 đơn vị trực thuộc là:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại KonTum	Thôn Măng Đen, Xã Măng Đen, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực 3 tại Quảng Trị	Thôn Húc Nghi, Xã Tà Rụt, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

2.1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, ngoại trừ những thay đổi do áp dụng hướng dẫn kế toán mới theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 như trình bày sau đây:

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2012 của Bộ tài chính.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 có ảnh hưởng đến Công ty theo phương pháp điều chỉnh phi hồi tố theo hướng dẫn tại Khoản 1, Điều 30, Thông tư 99.

Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với yêu cầu trình bày của Thông tư 99 và được trình bày tại Thuyết minh số 9.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 cũng như các khoản doanh thu, chi phí trong suốt kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2026. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.5. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, nếu có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có thể bị tổn thất thì doanh nghiệp phải lập dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

3.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng xuất kho và tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh đối với các thiết bị phục vụ đầu tư xây dựng dự án thủy điện, phương pháp bình quân gia quyền đối với hàng tồn kho còn lại.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.8. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Tại ngày 31/12/2025 và tại ngày 30/06/2026, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng sửa chữa theo yêu cầu kỹ thuật tại Nhà máy thủy điện Đăk Pônê và Nhà máy thủy điện Đa Krông 1.

3.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2026</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 30 năm
▪ Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	06 – 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

Đối với máy móc, thiết bị và phương tiện truyền dẫn của Nhà máy Thủy điện Đăk Ponê bao gồm: thiết bị thủy điện, đường ống áp lực, đường dây và trạm biến áp nâng. Công ty khấu hao trong thời gian sử dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm.

3.10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy tính như sau:

	<u>Năm 2026</u>
▪ Phần mềm máy tính	5 – 10 năm

3.11. Thuê tài sản***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.13. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân loại là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

3.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả cổ tức, lợi nhuận và phải trả khác theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận là các khoản cổ tức, lợi nhuận (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) phải trả cho các cổ đông của công ty;
- Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.15. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.16. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.17. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành của cổ phiếu mua lại của chính mình được bán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận bằng tiền cho các cổ đông.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.18. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

3.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Thu nhập từ bán điện thương phẩm phát từ Nhà máy Thủy điện Đa Krông 1 Tỉnh Quảng Trị áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2017 đến năm 2031); được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo (từ năm 2021 đến năm 2029) cho Dự án Đầu tư thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Những ưu đãi này được quy định trong Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ.
- Hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế như sau:

- Áp dụng mức thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm. Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% đối với điện thương phẩm kể từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 theo quy định tại Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ.
- Các hoạt động khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.25. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Xem thêm mục 7 trên Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

3.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ
		VND
Tiền mặt	198.933.838	93.590.944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.132.351.011	395.363.500
- Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Hàn	1.075.858.531	365.352.804
- Các ngân hàng khác	56.492.480	30.010.696
+ VND	54.576.418	28.020.966
+ USD	72,76 1.916.062	76,06 1.989.730
Các khoản tương đương tiền	26.932.232.328	15.512.842.467
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	18.900.000.000	13.500.000.000
+ Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Hàn	15.000.000.000	9.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	3.900.000.000	4.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	8.000.000.000	2.000.000.000
+ Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Hàn	6.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	2.000.000.000	2.000.000.000
- Lãi dự thu	32.232.328	12.842.467
Cộng	28.263.517.177	16.001.796.911

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 2,6% đến 2,9%/năm.

4.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 30/06/2026			Tại ngày 01/01/2026		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn:						
Tiền gửi có kỳ hạn						
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.000.000.000	2.000.000.000	-	27.000.000.000	27.000.000.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Hàn	1.000.000.000	1.000.000.000		22.000.000.000	22.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	1.000.000.000	1.000.000.000		5.000.000.000	5.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-	-
+ Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Hàn	5.000.000.000	5.000.000.000		-	-	-
Lãi dự thu	134.786.301	134.786.301	-	93.920.549	93.920.549	-
Cộng	7.134.786.301	7.134.786.301	-	27.093.920.549	27.093.920.549	-

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.320.267.436	-	31.981.294.795	-
Cộng	4.320.267.436	-	31.981.294.795	-
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	4.320.267.436	-	31.981.294.795	-

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Đại Hân	-	-	581.198.111	-
Công ty Cổ phần IDI	573.781.623	-	972.821.246	-
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Nam Việt	1.123.759.999	-	1.123.759.999	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Quang Vinh Kon Tum	439.961.916	-	-	-
Các đối tượng khác	334.701.388	-	482.598.483	-
Cộng	2.472.204.926	-	3.160.377.839	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng	13.100.000	-	-	-
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	-	-	439.772.880	-
Phải thu khác	2.000.000	-	341.371.949	-
Ký cược, ký quỹ	524.868.481	-	524.868.481	-
Cộng	539.968.481	-	1.306.013.310	-
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	2.000.000	-	60.396.000	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2026		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	411.359.314	-	553.879.090	-
Cộng	411.359.314	-	553.879.090	-

Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối kỳ.

4.7. Chi phí chờ phân bổ

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí kiểm định, bảo hiểm, chi phí khác	476.076.865	124.345.593
Cộng	476.076.865	124.345.593
Dài hạn:		
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.079.130.615	814.528.900
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí khác	876.639.906	1.171.376.819
Cộng	1.955.770.521	1.985.905.719

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2026	427.958.256.579	205.666.973.106	20.912.014.408	745.922.246	655.283.166.339
Mua trong năm	-	-	-	44.650.000	44.650.000
XDCB hoàn thành	20.775.177.770	4.259.689.639	-	2.339.005.383	27.373.872.792
Tại ngày 30/06/2026	448.733.434.349	209.926.662.745	20.912.014.408	3.129.577.629	682.701.689.131
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2026	190.735.014.830	166.144.167.918	13.597.416.637	567.236.732	371.043.836.117
Khấu hao trong kỳ	10.899.605.429	7.312.040.175	389.036.460	262.974.449	18.863.656.513
Tại ngày 30/06/2026	201.634.620.259	173.456.208.093	13.986.453.097	830.211.181	389.907.492.630
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2026	237.223.241.749	39.522.805.188	7.314.597.771	178.685.514	284.239.330.222
Tại ngày 30/06/2026	247.098.814.090	36.470.454.652	6.925.561.311	2.299.366.448	292.794.196.501

Không có TSCĐ hữu hình đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối kỳ là 16.832.787.104 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2026	4.857.693.636	285.105.773	5.142.799.409
Tăng trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30/06/2026	4.857.693.636	285.105.773	5.142.799.409
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2026	-	198.729.226	198.729.226
Khấu hao trong kỳ	-	10.811.610	10.811.610
Tại ngày 30/06/2026	-	209.540.836	209.540.836
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2026	4.857.693.636	86.376.547	4.944.070.183
Tại ngày 30/06/2026	4.857.693.636	75.564.937	4.933.258.573

Quyền sử dụng đất lâu dài tại Lô 7 + Lô 8 Khu B2-54, KĐT sinh thái ven sông Hòa Xuân – Giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 636281 được Sở Tài nguyên và Môi trường Đà Nẵng cấp ngày 11/10/2017.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm cuối kỳ là 68.873.653 VND.

Không có tài sản cố định vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án công trình nhà máy thủy điện Đăk Pône (nâng đập hồ A và xây dựng cụm nhà máy hồ B)	39.636.533.120	39.636.533.120	33.177.617.560	33.177.617.560
Dự án trụ sở làm việc PC3-INVEST	-	-	26.308.757.138	26.308.757.138
Dự án điện gió Tân Lập	2.475.804.458	2.475.804.458	2.465.804.458	2.465.804.458
Cộng	42.112.337.578	42.112.337.578	61.952.179.156	61.952.179.156

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Công ty Cổ phần IDI	1.770.378.406	940.925.283
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại - Dịch vụ tổng hợp Trí Dũng	397.838.388	795.676.775
Công ty Cổ phần 6.3	617.660.270	1.155.561.560
Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy Đại Hân	864.355.066	547.323.861
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Nam Việt	678.043.636	678.043.636
Các đối tượng khác	1.001.093.846	1.083.157.303
Cộng	5.329.369.612	5.200.688.418

4.12. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Phải trả về cổ tức năm 2013	99.224.100	100.622.100
Phải trả về cổ tức năm 2014	157.047.000	159.377.000
Phải trả về cổ tức năm 2015	331.405.900	335.437.900
Phải trả về cổ tức năm 2016	160.938.700	163.242.700
Phải trả về cổ tức năm 2017	373.111.800	379.101.800
Phải trả về cổ tức năm 2019	191.317.800	194.611.300
Phải trả về cổ tức năm 2020	186.992.800	190.286.300
Phải trả về cổ tức năm 2021	292.205.280	297.474.880
Phải trả về cổ tức năm 2022	414.025.360	421.271.060
Phải trả về cổ tức năm 2023	379.803.300	386.390.300
Phải trả về cổ tức năm 2024	307.616.800	312.886.400
Cộng	2.893.688.840	2.940.701.740

Các khoản cổ tức các năm đã cam kết trả nhưng đến thời điểm hiện tại cổ đông chưa làm thủ tục để nhận theo quy định là 2.893.688.840 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.13. Thuế và các khoản phải thu / phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2026 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2026 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/ Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	415.598.808	5.465.961.652	4.543.967.067	506.395.777	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.003.090.596	-	2.732.561.569	8.142.144.010	-	1.406.491.845
Thuế thu nhập cá nhân	-	84.437.386	3.235.411.252	3.187.722.715	-	36.748.849
Thuế tài nguyên	-	238.829.395	3.427.325.380	4.977.909.813	-	1.789.413.828
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	789.648.945	737.084.147	52.564.798	-
Thuế khác, phí và lệ phí	-	77.240.592	2.608.862.152	3.115.390.108	-	583.768.548
Cộng (**)	4.003.090.596	816.106.181	18.259.770.950	24.704.217.860	558.960.575	3.816.423.070

Trong đó:

(*) Số tiền thuế Giá trị gia tăng đã nộp vào NSNN là: 2.563.363.484 VND; số được khấu trừ với thuế Giá trị gia tăng đầu vào trong kỳ là: 1.980.603.583 VND;

(**) Tổng số tiền thuế đã nộp vào NSNN là: 22.723.614.277 VND; số được khấu trừ với thuế Giá trị gia tăng đầu vào trong kỳ là: 1.980.603.583 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.14. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tiền lương phải trả CBNV	1.320.831.180	18.815.276.791
Cộng	1.320.831.180	18.815.276.791

4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Chi phí lãi vay	-	42.575.342
Chi phí phải trả khác	236.345.048	40.014.197
Cộng	236.345.048	82.589.539

4.16. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Nhận ký quỹ, ký cược	19.597.000	6.597.000
Thuế GTGT phải nộp	320.019.810	1.677.287.846
Phải trả khác	287.769	421.797.569
Cộng	339.904.579	2.105.682.415

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30/06/2026		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2026	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng (*)	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 230/2023/CVTDH/VCB-KHDN ngày 20/12/2023:

- Số tiền vay: 50.000.000.000 VND;
- Thời hạn vay: từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn đầu tiên đến hết ngày 05/02/2027;
- Lãi suất vay trong hạn: Trong năm đầu tiên kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên: 6 tháng đầu: 5,3%/năm; 6 tháng sau: 6,8%/năm. Các năm tiếp theo: lãi suất cơ sở + Biên độ 2,2%/năm;
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn;
- Mục đích vay: Cho vay trả nợ gốc trước hạn cho khoản vay của Khách hàng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Trung Việt để đầu tư dự án: Thủy điện Đa Krông 1 tại xã Húc Nghi, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD-PC3I ngày 22/10/2014 và các Phụ lục, các Văn bản sửa đổi, bổ sung đính kèm;
- Bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án Thủy điện Đa Krông 1 thuộc sở hữu của Công ty và máy móc thiết bị hình thành từ dự án Thủy điện Đa Krông 1 thuộc sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/01/2025	333.398.910.000	(35.000.000)	1.131.301.456	35.136.052.409	369.631.263.865
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	29.074.187.954	29.074.187.954
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(265.103.250)	(265.103.250)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	(4.450.287.013)	(4.450.287.013)
Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(1.131.301.456)	1.131.301.456	-
Tại ngày 30/06/2025	333.398.910.000	(35.000.000)	-	60.626.151.556	393.990.061.556
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	11.752.743.240	11.752.743.240
Chia cổ tức	-	-	-	(26.671.912.800)	(26.671.912.800)
Tại ngày 01/01/2026	333.398.910.000	(35.000.000)	-	45.706.981.996	379.070.891.996
Lãi trong kỳ này	-	-	-	10.209.543.771	10.209.543.771
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(6.892.752.917)	(6.892.752.917)
Tại ngày 30/06/2026	333.398.910.000	(35.000.000)	-	49.023.772.850	382.387.682.850

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND
Tổng Công ty điện lực Miền Trung	246.989.600.000	246.989.600.000
Các cổ đông khác	86.409.310.000	86.409.310.000
Cộng	333.398.910.000	333.398.910.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu kỳ	333.398.910.000	333.398.910.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	333.398.910.000	333.398.910.000

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.339.891	33.339.891
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng:	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ):	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu phổ thông	33.339.891	33.339.891
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn CSH)	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

4.18.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	10.209.543.771	29.074.187.954
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.757.606.793	4.908.553.937
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.451.936.978	24.165.634.017
Số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ	33.339.891	33.339.891
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	254	725

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4.18.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	10.209.543.771	29.074.187.954
Trích/tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.757.606.793	4.908.553.937
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.451.936.978	24.165.634.017
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	33.339.891	33.339.891
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	33.339.891	33.339.891
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	254	725

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ này đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi kế hoạch năm 2026 tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026 phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2026 theo tiêu chí lợi nhuận sau thuế, các chỉ tiêu này của 6 tháng đầu năm 2026 có thể sẽ thay đổi khi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2027 phê duyệt chính thức.

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước đã trừ quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026 phân bổ cho 6 tháng đầu năm 2025 theo tiêu chí lợi nhuận sau thuế. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được trình bày lại là 725 VND/cổ phiếu (Số đã trình bày ở báo cáo kỳ trước là 728 VND/cổ phiếu)

4.18.7. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 44/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2026, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định chia cổ tức năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 10% trên vốn điều lệ (tương ứng 33.339.891.000 VND) dự kiến thực hiện vào Quý II, III/2026.

4.19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

	Tại ngày 30/06/2026	Tại ngày 01/01/2026		
Ngoại tệ các loại:				
Tiền (USD)	72,76	76,06		
Tài sản của Công ty sử dụng để cầm cố, thế chấp				
Tài sản	Tại ngày 30/06/2026 VND	Tại ngày 01/01/2026 VND	Kỳ hạn	Đối tượng nhận ký cược, ký quỹ
Tài sản cố định hữu hình	-	175.606.698.810	Đến khi tất toán khoản vay	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đà Nẵng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	51.358.670.204	74.613.740.753
Cộng	51.358.670.204	74.613.740.753
Trong đó, doanh thu với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	51.358.670.204	74.613.740.753

5.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn điện thương phẩm	30.815.840.831	31.579.537.930
Cộng	30.815.840.831	31.579.537.930

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	561.384.494	466.553.585
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	13.069	46.701
Cộng	561.397.563	466.600.286

5.4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	319.112.329	1.058.561.644
Cộng	319.112.329	1.058.561.644

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.064.557.483	3.223.474.223
Chi phí khấu hao tài sản cố định	965.457.845	244.301.868
Chi phí bằng tiền khác	2.812.993.939	2.411.196.358
Cộng	7.843.009.267	5.878.972.449

5.6. Chi phí khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khác	-	5.849.590
Cộng	-	5.849.590

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	965.162.040	691.571.638
Chi phí nhân công	8.579.009.923	6.440.953.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.874.468.123	18.979.691.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	723.215.635	1.056.503.632
Chi phí khác bằng tiền	9.516.994.377	10.289.790.281
Cộng	38.658.850.098	37.458.510.379

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.942.105.340	36.557.419.426
- Hoạt động được ưu đãi (Nhà máy thủy điện Đa Krông 1)	(1.878.302.936)	-
- Hoạt động không được ưu đãi	14.820.408.276	36.557.419.426
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	720.702.504	610.012.604
- Chi phí không được trừ	720.702.504	610.012.604
+ Hoạt động được ưu đãi	233.663.572	-
+ Hoạt động không được ưu đãi	487.038.932	610.012.604
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	13.662.807.844	37.167.432.030
- Hoạt động được ưu đãi	(1.644.639.363)	-
- Hoạt động không được ưu đãi	15.307.447.207	37.167.432.030
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
+ Hoạt động được ưu đãi	10%	10%
+ Hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.732.561.569	7.483.231.472

Trong đó:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	2.732.561.569	7.433.486.406
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	49.745.066

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền chi trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	30.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	30.000.000.000	10.000.000.000

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Văn phòng Công ty
- Chi nhánh Quảng Trị
- Chi nhánh Kon Tum

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Khu vực địa lý	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	32.922.453.794	45.609.211.439	18.436.216.410	29.004.529.314	51.358.670.204	74.613.740.753
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	32.922.453.794	45.609.211.439	18.436.216.410	29.004.529.314	51.358.670.204	74.613.740.753
Giá vốn hàng bán	-	-	13.641.566.822	14.234.590.906	17.174.274.009	17.344.947.024	30.815.840.831	31.579.537.930
Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	-	-	19.280.886.972	31.374.620.533	1.261.942.401	11.659.582.290	20.542.829.373	43.034.202.823
Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	561.346.803	466.555.497	32.115	25.125	18.645	19.664	561.397.563	466.600.286
Chi phí tài chính	-	-	-	-	319.112.329	1.058.561.644	319.112.329	1.058.561.644
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.184.414.499	5.444.660.321	416.431.628	259.652.049	242.163.140	174.660.079	7.843.009.267	5.878.972.449
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(6.623.067.696)	(4.978.104.824)	18.864.487.459	31.114.993.609	700.685.577	10.426.380.231	12.942.105.340	36.563.269.016
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	5.598.263	-	-	-	251.327	-	5.849.590
Lợi nhuận khác	-	(5.598.263)	-	-	-	(251.327)	-	(5.849.590)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.623.067.696)	(4.983.703.087)	18.864.487.459	31.114.993.609	700.685.577	10.426.128.904	12.942.105.340	36.557.419.426
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	2.732.561.569	5.638.599.286	-	1.844.632.186	2.732.561.569	7.483.231.472
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(6.623.067.696)	(4.983.703.087)	16.131.925.890	25.476.394.323	700.685.577	8.581.496.718	10.209.543.771	29.074.187.954

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	122.778.339.495	119.911.333.269	106.207.874.578	124.529.866.927	169.339.647.921	199.553.883.896	398.325.861.994	443.995.084.092
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản							398.325.861.994	443.995.084.092
Nợ phải trả của bộ phận	14.054.182.233	22.255.800.147	1.258.046.461	7.365.790.962	625.950.450	35.302.600.987	15.938.179.144	64.924.192.096
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả							15.938.179.144	64.924.192.096

	Văn phòng		Chi nhánh Kon Tum		Chi nhánh Quảng Trị		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí khấu hao	965.457.845	244.301.868	5.131.025.432	5.991.665.553	12.777.984.846	12.743.723.820	18.874.468.123	18.979.691.241

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	Cùng Công ty mẹ
3. Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà	Cùng Công ty mẹ
4. Công ty Điện lực Kon Tum	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
5. Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực Miền Trung - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
6. Công ty Điện lực Quảng Ngãi - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
7. Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, số dư phải với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2026 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2026 VND</u>
Phải thu khách hàng:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	4.320.267.436	31.981.294.795
Cộng - Xem thêm Mục 4.3	<u>4.320.267.436</u>	<u>31.981.294.795</u>

	<u>Tại ngày 30/06/2026 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2026 VND</u>
Phải thu khác:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.000.000	60.396.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.5	<u>2.000.000</u>	<u>60.396.000</u>

Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng:		
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	51.358.670.204	74.613.740.753
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	<u>51.358.670.204</u>	<u>74.613.740.753</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty Điện lực Kon Tum	-	32.674.146
Công ty Điện lực Quảng Ngãi - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung	32.674.146	-
Công ty Công nghệ Thông tin Điện lực Miền Trung - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	45.597.917	44.449.400
Công ty Dịch vụ Điện lực miền Trung - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Trung	3.236.832	2.915.985
Cộng	81.508.895	80.039.531

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Văn Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Lê Huy Khôi	Thành viên HĐQT	21.600.000	31.771.200
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	121.658.600	52.771.200
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên HĐQT	121.658.600	52.771.200
Ông Trần Công Minh	Thành viên HĐQT	115.542.000	16.546.500
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT	112.391.800	13.238.000
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	9.267.800	39.533.200
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	4.635.000	33.666.000
Ông Lê Kỳ Anh	Trưởng BKS	119.202.500	17.209.000
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên BKS	120.176.500	50.212.500
Ông Dương Ngọc Thịnh	Thành viên BKS	115.542.000	16.546.500
Ông Vũ Ngọc Thư	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	4.635.000	33.666.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các nhân viên quản chủ chốt khác:

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Văn Nghiệp	Chủ tịch HĐQT	522.963.083	429.983.600
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên HĐQT	10.633.417	7.875.000
Ông Trần Đình Lợi	Thành viên HĐQT	10.633.417	7.875.000
Ông Trần Công Minh	Thành viên HĐQT	8.316.708	-
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên HĐQT	8.316.708	-
Ông Trần Đăng Hiền	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	2.316.708	7.875.000
Ông Nguyễn Trọng Vĩnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	2.316.708	7.875.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Họ và tên	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Lê Huy Khôi	Tổng Giám đốc	475.724.507	415.449.090
Ông Nguyễn Dương Long	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/07/2024)	-	84.688.250
Ông Trần Vĩnh Trinh	Phó Tổng Giám đốc	398.946.333	366.308.500
Ông Nguyễn Minh Hoài	Kế toán trưởng	373.088.317	315.108.073
Ông Lê Kỳ Anh	Trưởng BKS	8.609.458	-
Bà Huỳnh Thị Thuý Dương	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	63.718.917	262.166.400
Bà Hoàng Thị Hương	Thành viên BKS	10.633.417	7.875.000
Ông Dương Ngọc Thịnh	Thành viên BKS	8.316.708	-
Ông Vũ Ngọc Thư	Thành viên BKS (Miễn nhiệm ngày 16/04/2025)	2.316.708	7.875.000

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.1, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 được lập và trình bày theo Thông tư 99. Do đó, một số dữ liệu so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với yêu cầu trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 do việc áp dụng Thông tư 99, cụ thể như sau:

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (Trích):

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 01/01/2026 (được báo cáo lại) VND	Phân loại lại theo Thông tư 99 VND	Tại ngày 01/01/2026 (đã báo cáo trước đây) VND
Các khoản tương đương tiền	112	15.512.842.467	12.842.467	15.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	27.093.920.549	93.920.549	27.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	1.306.013.310	(106.763.016)	1.412.776.326
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	2.940.701.740	2.940.701.740	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	2.105.682.415	(2.940.701.740)	5.046.384.155

10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê đất để xây dựng các nhà máy Thủy điện và trả tiền thuê hàng năm.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	789.648.945	87.646.333
Cộng	789.648.945	87.646.333

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐIỆN LỰC 3

Địa chỉ: 15-17 Thái Văn Lung, Phường Hòa Xuân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 23/06/2026, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành Quyết định số 63/QĐ-HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 10%/cổ phiếu, ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức là ngày 22/07/2026 và thanh toán cổ tức từ ngày 24/08/2026.

Ngoài sự kiện trên, không có các sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Huy Khôi
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 08 năm 2026

Nguyễn Minh Hoài
Kế toán trưởng

Diệp Lê Trúc Xuyên
Người lập